

Bản án số: 79/2021/HNGĐ – ST

Ngày 08 – 4 – 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN G**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

**- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2021/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Dương Phương T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 45/3A, khóm Đ1, phường M, thành phố X, An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trường G, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 1064/54b, khóm B, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

( Bà T và ông G có đơn xin xét xử vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2021, biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn là bà Lý Dương Phương T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông G tự tìm hiểu, yêu thương sau đó có tổ chức đám cưới vào năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã và đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không được. Bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về quan hệ con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Dương Minh H, sinh ngày 23/4/2010, hiện nay con chung đang sống với ông G sau khi ly hôn bà T đồng ý để ông G tiếp tục nuôi con, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Nguyễn Trường G trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông G thống nhất với lời trình bày của bà T về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống cũng như thời điểm xác lập mối quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Qua yêu cầu ly hôn của bà T, ông G đồng ý ly hôn.

Về quan hệ con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Dương Minh H, sinh ngày 23/4/2010, hiện nay con chung đang sống với ông G sau khi ly hôn ông G đồng ý tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Thống nhất với lời trình bày của bà T, vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Ông bà Lý Dương Phương T và ông Nguyễn Trường G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do điều kiện đi lại khó khăn vì đang đi làm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

**\* *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án;

**\* *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến nay:***

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và còn phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

- Về hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa bà T, ông G.

- Về con chung: Giao cháu H được tiếp tục sống với ông G quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không cấp dưỡng nuôi con, ông G thống nhất ý kiến của bà T. Do đó, không xét đến.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### [1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa bà Lý Dương Phương T với ông Nguyễn Trường G là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Lý Dương Phương T và ông Nguyễn Trường G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm, điều kiện đi lại khó khăn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông G.

### [2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông G tự tìm hiểu, yêu thương sau đó có tổ chức đám cưới vào năm 2009, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay cãi vã. Vợ chồng đã ly thân khoảng từ năm 2015 đến nay, tuy đã hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Bà T và ông G nhận thấy hôn nhân giữa hai vợ chồng không còn hạnh phúc nên thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, bà T và ông G chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố bà Lý Dương Phương T và ông Nguyễn Trường G không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông G có 01 con chung tên Nguyễn Dương Minh H, sinh ngày 23/4/2010. Hiện con chung đang sinh sống với ông G. Bà T đồng ý giao con chung cho ông G chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyên vọng của cháu H muốn sống chung với ông G. Ông G đồng ý yêu cầu của bà T, do đó để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn giao cháu H cho ông G được tiếp tục nuôi dưỡng quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông G không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông G và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông G thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Lý Dương Phương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9; Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Lý Dương Phương T và ông Nguyễn Trường G không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Dương Minh H, sinh ngày 23/4/2010 cho ông Nguyễn Trường G nuôi dưỡng. Bà Lý Dương Phương T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông G và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Bà Lý Dương Phương T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007488 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- *THADS TPLX*;
- *Lưu hồ sơ*./

**Nguyễn Thị Đức Anh**